

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 15/2018, NGÀY THI 10/11//2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-TTCNTT-TT ngày 15 tháng 11 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/ THẺ CCCD
						LT	TH			
1	cb18k15_001	Võ Hải Hoàng	Anh	22/09/1995	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906620	194597568
2	cb18k15_002	Lê Tiến	Cảnh	06/09/1989	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu	906621	194318939
3	cb18k15_003	Hà Xuân	Đàn	16/11/1981	Quảng Bình	8,8	10	Đậu	906622	194156707
4	cb18k15_004	Nguyễn Thị Anh	Đào	04/06/1979	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906623	044179000175
5	cb18k15_005	Nguyễn Thị Hồng	Duyến	12/06/1983	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906624	044183000866
6	cb18k15_006	Phạm Thanh	Hà	11/09/1978	Quảng Bình	7,5	9,5	Đậu	906625	044078001483
7	cb18k15_007	Đinh Xuân	Hải	10/08/1970	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906626	194088855
8	cb18k15_008	Dương Thị	Hải	08/10/1969	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu	906627	191181683
9	cb18k15_009	Nguyễn Ngọc	Hải	01/09/1973	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu	906628	044073001527
10	cb18k15_011	Võ Thị Thu	Hằng	18/12/1992	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906629	194450545
11	cb18k15_012	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	24/05/1990	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu	906630	'191657134
12	cb18k15_015	Lê Thị	Hiền	08/06/1994	Hà Tĩnh	7,5	8,0	Đậu	906631	184137017
13	cb18k15_017	Nguyễn Thị	Hiền	21/10/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906632	194163815
14	cb18k15_019	Trần Thị	Hòa	26/04/1983	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu	906633	044183002583
15	cb18k15_020	Lê Thị	Hương	19/02/1983	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906634	194127274
16	cb18k15_021	Lê Văn	Hương	11/06/1979	Quảng Bình	8,3	9,5	Đậu	906635	044079000662
17	cb18k15_022	Trần Thị Bích	Hường	11/01/1992	Quảng Bình	7,5	9,5	Đậu	906636	194410999
18	cb18k15_023	Nguyễn Khắc	Huy	12/03/1968	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906637	194006200
19	cb18k15_024	Phạm Thị Thanh	Huyền	24/10/1987	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu	906638	194245965
20	cb18k15_026	Hoàng Thị Mỹ	Lê	01/01/1981	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu	906639	194078123
21	cb18k15_027	Nguyễn Ngọc	Linh	21/04/1991	Quảng Bình	7,9	9,5	Đậu	906640	194399713
22	cb18k15_029	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	06/03/1988	Quảng Bình	7,5	10	Đậu	906641	194279478
23	cb18k15_030	Lê Đức	Mẫn	23/07/1976	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu	906642	194039927
24	cb18k15_032	Mai Thị	Nguyệt	03/04/1976	Quảng Bình	9,2	8,5	Đậu	906643	194009903
25	cb18k15_033	Phan Thị Quỳnh	Như	27/02/1990	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu	906644	194496414
26	cb18k15_034	Phan Quý	Ninh	16/09/1994	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu	906645	044094002111
27	cb18k15_035	Lê Minh	Phương	13/07/1981	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu	906646	194879207
28	cb18k15_036	Phạm Thị Mai	Phương	20/05/1995	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906647	194587199
29	cb18k15_037	Trần Công	Phượng	15/08/1974	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu	906648	044074000285
30	cb18k15_039	Phạm Nam	Quốc	16/03/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906649	194121777
31	cb18k15_041	Phạm Anh	Tài	02/06/1968	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu	906650	194378775
32	cb18k15_042	Phạm Hồng	Thái	01/09/1971	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906651	194097217
33	cb18k15_043	Nguyễn Mậu	Thăng	20/11/1978	Quảng Bình	8,8	9,5	Đậu	906652	044078000772
34	cb18k15_044	Nguyễn Thị Phương	Thanh	06/06/1989	TT Huế	8,8	9,0	Đậu	906653	194325001
35	cb18k15_045	Nguyễn Văn	Thông	05/10/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu	906654	044082002244
36	cb18k15_046	Trần Thị	Thúy	10/01/1977	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu	906655	194056597
37	cb18k15_047	Hoàng Nữ Huyền	Trang	02/05/1996	Quảng Bình	7,9	9,5	Đậu	906656	194607377
38	cb18k15_048	Nguyễn Hữu	Tuân	06/11/1980	Quảng Bình	9,6	9,0	Đậu	906657	194079290
39	cb18k15_050	Lưu Thị	Tuyết	26/02/1978	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu	906658	194094285

(Ấn định danh sách này gồm 39 thí sinh)